

# VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

(2 tiết)

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Thấy được vẻ đẹp hiên ngang, bi tráng mà giản dị của hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc tự giác đứng lên đánh giặc ; thái độ cảm phục, xót thương của tác giả đối với các nghĩa sĩ nông dân ấy.

– Nắm được giá trị nghệ thuật đặc sắc (tính chất trữ tình, thủ pháp tương phản và sử dụng ngôn ngữ) của bài văn tế.

– Làm quen và rèn luyện kỹ năng đọc - hiểu một tác phẩm văn tế.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

### 1. Về nội dung

a) Dựa vào nội dung phần *Tiểu dẫn* trong SGK, GV có thể tạo ra tâm thế cho HS tiếp nhận một bài văn tế ; tập trung làm sáng tỏ hai phương diện kiến thức trọng tâm : vẻ đẹp hiên ngang, bi tráng mà giản dị của hình tượng người nghĩa sĩ nông dân tự giác đứng lên đánh giặc ; thái độ cảm phục, xót thương của tác giả đối với các nghĩa sĩ và giá trị nghệ thuật đặc sắc của bài văn tế.

b) Về thể loại : Dựa vào phần *Tri thức đọc - hiểu* để liên hệ với mạch kiến thức của bài học.

### 2. Về phương pháp

a) Với bài này, HS lần đầu được tiếp xúc với thể văn tế trong chương trình Ngữ văn. GV cần có những giới thiệu ngắn gọn về thể loại trước khi tìm hiểu giá trị nghệ thuật và nội dung của bài. Đặc biệt, trong bài có khá nhiều điển tích và từ cổ, cho nên GV cần dành thời gian thích hợp để HS nắm vững nội dung của các chú thích này.

b) GV hướng dẫn HS đọc văn bản theo đặc trưng thể loại. Chú ý giọng điệu và tính chất đối xứng của các câu văn biến ngẫu.

c) GV cần giúp HS nắm vững tính lô gích trong cấu trúc của một bài văn tế. Tuy nhiên, đây là một bài dài và khó nên GV có thể giới thiệu cấu trúc chung để HS hình dung tổng thể rồi lựa chọn một số vấn đề trọng tâm để tập trung khai thác kĩ.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phần mở đầu

Có thể sử dụng nội dung phần *Tiểu dẫn*, phần *Tri thức đọc - hiểu* trong SGK hoặc trích ý kiến của nhà phê bình văn học Hoài Thanh cho rằng *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là "một trong những bài văn hay nhất của chúng ta" để nêu vấn đề và làm lời dẫn cho bài học.

#### 2. Phần nội dung chính

##### *Câu hỏi 1*

Hướng dẫn HS đọc phần *Tri thức đọc - hiểu*, từ đó xác định bố cục và ý chính trong các phần của bài văn tế. Bài văn tế gồm bốn phần : Lung khởi, Thích thực, Ai vãn và Kết. Mỗi phần có các ý chính như sau :

– *Lung khởi* (từ đầu đến "tiếng vang như mõ") : Nhận định khái quát về những nghĩa sĩ nông dân hi sinh trong trận Cần Giuộc.

– *Thích thực* (từ "Nhớ linh xưa" đến "tàu đồng súng nổ") : Hồi tưởng về cuộc sống và chiến đấu của những người nghĩa sĩ.

– *Ai vãn* (từ "Ôi ! Những lăm lòng nghĩa lâu dùng" đến "dật dờ trước ngõ") : Than tiếc các nghĩa sĩ.

– *Kết* (phần còn lại) : Tình cảm xót thương của người đứng tế với linh hồn người chết.

##### *Câu hỏi 2*

– GV gợi ý cho HS phát hiện và phân tích sự đối lập : "Súng giặc đất rền" và "lòng dân trời tỏ". Giặc nổ súng xâm lược nước ta báo hiệu Tổ quốc lâm nguy, đó là lúc thử thách lòng dân đối với đất nước.

– GV có thể yêu cầu HS liên hệ với tiêu đề bài văn tế, từ đó nêu ý nghĩa của câu mở đầu "Súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ" đối với tư tưởng của toàn bộ bài văn tế : đây là câu có ý nghĩa khái quát, báo hiệu về chủ đề tư tưởng của bài văn tế – ca ngợi tấm lòng tự nguyện hi sinh của những nghĩa sĩ Cần Giuộc.

##### *Câu hỏi 3*

a) Để tìm hiểu những nét đặc sắc của hình tượng người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc, GV yêu cầu HS chỉ ra có bao nhiêu cặp câu đối trực tiếp viết về người

nghĩa sĩ. Tất cả có mười ba cặp, chia làm bốn đoạn nhỏ. Đoạn nhỏ một gồm ba cặp câu đối 3, 4, 5 cho biết nghĩa sĩ vốn là những nông dân hiền lành, nghèo khổ. Đoạn nhỏ hai gồm bốn cặp câu đối 6, 7, 8, 9 nói về tấm lòng người dân căm thù giặc. Đoạn nhỏ ba gồm ba cặp câu đối 10, 11, 12 nói về tinh thần tự nguyện làm lính đứng lên chiến đấu. Đoạn nhỏ bốn gồm ba cặp câu đối 13, 14, 15 tả cuộc chiến đấu hi sinh anh dũng của nghĩa quân. GV hướng dẫn HS đọc - hiểu ý nghĩa của mỗi đoạn nhỏ. Đoạn nhỏ một nêu lên đặc điểm gì của người nghĩa sĩ ? Đoạn nhỏ hai miêu tả lòng yêu nước, căm thù giặc của người nông dân Nam Bộ ra sao ? Họ mong đợi triều đình lãnh đạo chống ngoại xâm như thế nào ? Đoạn nhỏ ba miêu tả tinh thần tự giác đứng lên làm nghĩa sĩ như thế nào ? Chú ý tìm hiểu việc tác giả nhắc đi nhắc lại rằng họ "chẳng phải quân cơ, quân vệ", họ "nào đợi tập rèn..." nhằm dụng ý gì ?

Chú ý hai đoạn nhỏ này đều đặc tả nỗi lòng của người nông dân trước kẻ xâm lược và trước vận mệnh của đất nước. Chú ý cách suy nghĩ của người nghĩa sĩ được Nguyễn Đình Chiểu ghi lại. Tác giả đã dùng những hình ảnh gì, biện pháp tu từ nào để thể hiện các cảm xúc và suy nghĩ ấy ? Đoạn nhỏ bốn miêu tả cuộc chiến đấu anh dũng không ngang sức với những hình ảnh đặc sắc chỉ có ở người nông dân Nam Bộ ở thời điểm đó. HS hãy chỉ ra tinh thần anh dũng của các nghĩa sĩ biểu hiện như thế nào ? (Nêu các chi tiết, các tiểu đối, vế đối,...). Cuộc chiến đấu ấy có những nét riêng nào về mặt lịch sử, khác hẳn với các cuộc chiến đấu sau này.

b) Sau khi cho HS thảo luận những nét đặc sắc về nội dung của hình tượng người nghĩa sĩ, GV hướng dẫn HS khái quát lại những nét đặc sắc cần nhớ :

– Hình tượng nghĩa sĩ là hình tượng của những người nông dân yêu nước, căm thù giặc do thiếu vắng quân đội chính quy của triều đình, họ đã đứng lên đánh giặc bằng vũ khí thô sơ và hi sinh oanh liệt.

– Hình tượng nghĩa sĩ thể hiện một tinh thần tự giác cao độ, anh dũng vô song làm cho kẻ địch kinh hồn, bạt vía.

c) Về hình thức nghệ thuật, GV yêu cầu HS tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong phần này của bài văn tế :

– Thủ pháp so sánh thể hiện tâm lí của người nông dân :

+ *Trông tin quan như trời hạn trông mưa ;*

+ *Ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.*

– Thủ pháp đặc tả cuộc chiến đấu với các chi tiết tả thực :

+ *Đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không ;*

+ *Xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có,...*

– Thủ pháp đối lập (đối ý, đối thanh) : *chưa quen cung ngựa – chỉ biết ruộng trâu ; tay vốn quen làm – mắt chưa từng ngó ; bữa thấy bông bong – ngày xem ống khói ; nào đợi – chẳng thêm ; mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn – chín chục trận binh thư, không chờ bày bố,...*

Các thủ pháp nghệ thuật trên – đặc biệt là thủ pháp nghệ thuật đối lập – đã góp phần khắc họa nổi bật vẻ đẹp tinh thần của người nghĩa sĩ.

#### **Câu hỏi 4**

GV yêu cầu HS đọc một đoạn, bắt đầu từ "Ôi ! Những lăm lòng nghĩa lâu dùng ; đâu biết xác phàm vội bỏ..." để cảm nhận thái độ cảm phục và niềm xót thương vô hạn của tác giả đối với người nghĩa sĩ nông dân.

Đoạn văn tế vừa đọc thể hiện niềm tiếc thương của Nguyễn Đình Chiểu như thế nào ? (Chi tiết, hình ảnh).

Đoạn văn "Nhưng nghĩ rằng..." gồm bốn cặp đối 20, 21, 22, 23 thể hiện suy nghĩ gì về lẽ sống chết của nghĩa sĩ ? Tác giả tố cáo tội ác của giặc, đem lại chết chóc cho người nghĩa sĩ. Tác giả khẳng định chết mà theo tổ phụ là vẻ vang còn sống mà theo giặc là nhục nhã.

– Về nghệ thuật cần chú ý đến từ ngữ, giọng điệu : *doái – nhìn ; chẳng phải – vốn không ; sống làm chi – sống làm chi ; thà thác – cũng vinh,...* không chỉ thể hiện niềm xót thương sâu sắc, tác giả còn khẳng định phẩm chất cao đẹp của các nghĩa binh Cần Giuộc.

Không chỉ xót thương các nghĩa sĩ, tác giả còn sẻ chia sâu sắc nỗi đau của thân nhân các nghĩa sĩ :

*Đau đớn bấy ! Mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều ; nỡ nùng thay ! Vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ.*

#### **Câu hỏi 5**

Là bài văn thể hiện tình cảm đối với người đã khuất, cả bài văn tế thấm đẫm chất trữ tình. Đặc sắc của bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là ở chỗ vừa bộc lộ tấm lòng của người viết văn tế (tức người sống) vừa bộc lộ tấm lòng của người được tế

(tức người chết) đối với non sông đất nước. Có thể nói là tính chất trữ tình nhiều tầng, nhiều lớp mà tất cả các tầng, lớp đó đều thể hiện ở tấm lòng yêu nước sâu sắc. GV nêu câu hỏi để HS cho biết những câu thể hiện tình cảm của nhà thơ. Ngoài từ "Ôi!", các câu "Khá thương thay!", "Ôi thôi thôi!", tính trữ tình thể hiện ở lời văn tế là lời tâm tình của tác giả. Chẳng hạn "Tác đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta; bát cơm manh áo ở đời mắc mớ chi ông cha nó". Nhiều đoạn lời văn tế nghe như là lời của người chết. Tác giả thay mặt người chết để nói lên tâm tình của họ. Đọc những câu như "Sống làm chi theo quân tả đạo, quăng vùa hương xô bàn độc...", "Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây ở với man di rất khổ"; hoặc "Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì muốn ra cắn cổ",... ta như nghe thấy tiếng lòng của người đã hi sinh.

GV nêu câu hỏi để HS phát hiện tính chất trữ tình nhiều tầng lớp rất đậm đà này của bài văn tế.

### ***Câu hỏi 6***

GV hướng dẫn HS tái hiện các kiến thức đã tìm hiểu ở trên, khái quát thành chủ đề và vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

– Chủ đề : Qua bài văn tế, tác giả bộc lộ niềm tự hào về tinh thần yêu nước, khí phách quả cảm của người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc, đồng thời bày tỏ niềm cảm phục và xót thương sâu sắc đối với họ.

– Với tác phẩm này, Nguyễn Đình Chiểu được xem là người đầu tiên đưa hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân thành hình tượng trung tâm trong sáng tác văn học. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Đình Chiểu, xứng đáng là "một trong những bài văn hay nhất của chúng ta" như đánh giá của nhà phê bình văn học Hoài Thanh.

### **3. Phân củng cố**

a) GV lưu ý HS đọc chính xác từ ngữ, cách ngắt nhịp và thể hiện giọng văn vừa trang trọng vừa thống thiết.

b) GV tổ chức cho HS thảo luận về giá trị đặc sắc của bài văn tế : thể hiện vẻ đẹp hiên ngang, bi tráng mà giản dị của hình tượng người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc tự giác đứng lên đánh giặc và thái độ cảm phục, xót thương của tác giả đối với các nghĩa sĩ ấy.

## V – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* có vị trí đặc biệt trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu và trong lịch sử văn học Việt Nam. GV hướng dẫn HS tiến hành so sánh hình tượng người nghĩa sĩ với các hình tượng văn học khác của Nguyễn Đình Chiểu : đó là những tài tử – giai nhân như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, những ông Quán, ông Ngư, ông Tiều, Kì Nhân Sư – những nhân vật thể hiện tư tưởng nhà nho trong thời loạn, luôn luôn giữ trọn đạo nghĩa. Thực tế lịch sử khiến nhà thơ phát hiện một hình tượng mới – hình tượng người nghĩa sĩ yêu nước. Bài văn tế đánh dấu sự chuyển hướng sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn sáng tác thứ hai của ông.

Đối với lịch sử văn học Việt Nam cuối thế kỉ XIX, bài văn tế đánh dấu sự ra đời của khuynh hướng văn chương yêu nước. GV nêu câu hỏi để HS so sánh sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu với sáng tác của Nguyễn Du. (GV có thể gợi ý để HS so sánh với sáng tác của Nguyễn Khuyến, Tú Xương sẽ học sau này). Sự so sánh sẽ cho thấy bài văn tế rõ ràng mở đầu cho dòng văn học yêu nước cuối thế kỉ XIX.

## VI – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Văn Đồng, *Tuyển tập văn học*, NXB Văn học, H., 1996.
- Lê Trí Viễn, *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao càng nhìn càng sáng*, Sđd.
- Trần Đình Sử, *Độc văn, học văn*, NXB Giáo dục, 2001.
- Trịnh Mạnh, *Một chi tiết quan trọng trong bài "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"*, tạp chí *Văn học và tuổi trẻ*, số 12 - 2003.